

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 740/2017/DS-PT

Ngày: 17/8/2017

V/v Tranh chấp về hui và
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Minh Quang
2. Ông Vũ Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị
Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2017/TLPT-DS ngày 24/7/2017 về việc “Tranh chấp về hui và hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 273/2017/DS-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1638/2017/QĐPT-DS ngày 31/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị I, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 183/4, đường X, tổ D, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 139, tổ C, đường X, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ngọc Â, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Xã I, Huyện P, Tỉnh O.

Tạm trú: Số 139 đường X, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị Minh H, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Số 139, tổ C, đường X, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị O, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Tổ 76, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Trần Thị Ê, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số 106, đường X, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Trần Thị K, sinh năm: 1936

Địa chỉ: 122/3 Đường X, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Thị A, sinh năm: 1963

Địa chỉ: 168/10 Đường X, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Số 15/5, đường X, ấp S, xã A, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị Minh H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn bà Phạm Thị I trình bày: Từ đầu năm 2015, bà có tham gia nhiều dây hụi do vợ chồng bà H, ông T làm đầu thảo (Ông T hiện là hiệu phó trường cấp 2 xã A). Do tin tưởng vợ chồng bà H, ông T bà đã đóng cho bà H, ông T số tiền hụi là 105.265.000đ (một trăm lẻ năm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Hàng tháng, hàng tuần đóng hụi cho vợ chồng bà H, ông T đều không có ký nhận, bà chỉ tự ghi sổ để theo dõi. Ngoài ra, vào ngày 06/7/2016, bà H có ký giấy nhận nợ thừa nhận có vay bà số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) từ ngày 30/12/2015. Bà H thỏa thuận vay không có lãi và trong vòng 01 tháng trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả số tiền trên.

Đơn khởi kiện ngày 31/10/2016, Bà I khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Minh H cùng chồng là ông Huỳnh Văn T phải trả số tiền 152.385.000đ (một trăm năm mươi hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Bà I thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Trần Thị Minh H cùng chồng là ông Huỳnh Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi và tiền vay tổng cộng là 135.265.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), bà không yêu cầu trả lãi và yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà xác định khởi kiện cả bà H và ông T, vì vợ chồng bà H, ông T đã lợi dụng lòng tin của bà để gom tiền hụi và vay tiền phục vụ sinh hoạt gia đình, mua sắm đồ đạc xe cộ nhưng nay cố tình ly hôn và không trả nợ cho bà. Bà xác định ông T là người thường xuyên trực tiếp thu gom tiền hụi và đứng ra khai hụi tại nhà khi bà H đi vắng.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Giấy nhận nợ lập ngày 10/9/2016 (bản photo có đối chiếu bản chính); Giấy nhận nợ lập ngày 06/7/2016 (bản photo có đối chiếu bản chính); Biên bản hòa giải xã A lập ngày 14/10/2016.

Bị đơn bà Trần Thị Minh H theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết trình bày: Bà thừa nhận có tham gia làm đầu thảo hụi và Bà I có tham gia nhiều dây hụi của bà từ đầu năm 2015. Đến nay bà còn nợ Bà I số tiền hụi Bà I

đã đóng là 105.265.000đ (một trăm lẻ năm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) và số tiền vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) từ ngày 30/12/2015 như Bà I trình bày là đúng. Bà đồng ý trả cho Bà I số tiền 135.265.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo yêu cầu của Bà I, nhưng bà xin trả góp hàng tháng. Bà H cho rằng đây là nợ của cá nhân bà không liên quan gì đến ông T. Trong thời kỳ hôn nhân với ông T, bà sống lệ thuộc vào ông T, chỉ phụ giúp gia đình chứ không làm nghề gì. Đến năm 2015, bà mới bắt đầu làm đầu thảo chơi hụi và bị một số người hốt hụi của họ nhưng không đóng, bà phải đi vay mượn dẫn đến bế hụi. Việc bà làm đầu thảo chơi hụi ông T không biết, lúc khai hụi ông T không có ở nhà, đến khi bế hụi ông T mới biết sự việc. Bà cho rằng ông T hoàn toàn không biết việc bà làm đầu thảo và thiếu nợ số tiền trên. Suốt thời kỳ hôn nhân, chồng bà ông T là lao động chính, mọi chi phí chồng bà lo và bà không có đóng góp gì cho gia đình. Mặt khác, hiện bà với ông T đã ly hôn theo quyết định số 1114/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Z, quyết định nêu rõ giữa bà với ông T không có tài sản chung và không có nghĩa vụ dân sự chung.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông và bà H kết hôn năm 1998 và chính thức ly hôn theo quyết định số 1114/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Z. Thời gian qua, bà H có làm đầu thảo hụi và mượn tiền của Bà I để sử dụng vào mục riêng tư, ông hoàn toàn không biết. Nay Bà I khởi kiện yêu cầu bà H và ông cùng liên đới trả cho Bà I số tiền 135.265.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), ông không đồng ý trả. Bởi vì, trong quá trình hôn nhân ông là lao động chính gia đình, bà H không có đóng góp gì cho gia đình. Việc bà H làm đầu thảo hụi ông hoàn toàn không biết và cũng không tham gia giao dịch với những người chơi hụi. Mọi giao dịch do bà H làm, mỗi khi khai hụi hay giao dịch với ai đều thực hiện bên ngoài sân nhà ông. Ông xác định không liên quan đến khoản nợ này và không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người làm chứng bà Võ Thị O trình bày: Bà là hàng xóm của vợ chồng ông T, bà H, không có mối quan hệ thân thích với nguyên đơn hay bị đơn vụ án. Bà có tham gia chơi hụi do bà H và ông T làm đầu thảo từ đầu năm 2013. Bà được biết ông T, bà H làm đầu thảo hụi từ rất lâu ở địa phương. Bà làm chứng cho bà Phạm Thị I là vợ chồng ông T, bà H cùng làm đầu thảo hụi, mỗi lần đóng tiền hụi, bà đều trực tiếp đóng tiền cho ông T tại nhà của ông T, chưa lần nào bà đóng tiền cho bà H. Tuy nhiên, từ nào giờ chơi hụi cứ tới ngày nộp tiền, nộp cho ông T mà không có ký nhận. Hiện nay vợ chồng ông T, bà H vẫn còn nợ tiền hụi của bà, hứa trả nhưng cho đến nay vẫn chưa trả. Do bận công việc gia đình nên bà xin vắng mặt khi Tòa xét xử vụ kiện.

Người làm chứng bà Trần Thị Ê trình bày: Bà là hàng xóm của vợ chồng ông T, bà H, không có mối quan hệ thân thích với nguyên đơn hay bị đơn vụ án. Bà có tham gia chơi hụi do bà H và ông T làm đầu thảo từ đầu năm 2014. Bà được biết ông T làm đầu thảo hụi từ 09 năm nay ở địa phương. Bà làm chứng

cho bà Phạm Thị I là vợ chồng ông T, bà H cùng làm đầu thảo hui. Bà luôn khui hui tại nhà vợ chồng ông T, ông T là người trực tiếp đứng ra bốc thăm hui. Mỗi lần đóng tiền hui, bà H trực tiếp đến nhà thu tiền, thỉnh thoảng bà cũng nộp tiền cho ông T. Bà còn được biết ông T hiện là Phó hiệu trưởng trường cấp 2, Xã A. Ông T cũng làm đầu thảo hui trong trường mà ông quản lý, khi bề hui ông có đem tiền trả nợ cho các giáo viên, riêng bà con hàng xóm thì ông không trả. Đến nay vợ chồng ông T, bà H vẫn còn nợ tiền hui của bà.

Người làm chứng bà Trần Thị K trình bày: Bà là hàng xóm của vợ chồng ông T, bà H, không có mối quan hệ thân thích với nguyên đơn hay bị đơn vụ án. Bà có tham gia chơi hui do bà H và ông T làm đầu thảo từ đầu năm 2015. Bà được biết ông T, bà H làm đầu thảo hui từ rất lâu ở địa phương. Bà làm chứng cho bà Phạm Thị I là vợ chồng ông T, bà H cùng làm đầu thảo hui chứ không phải riêng bà H. Bà xác định thường đóng tiền hui cho ông T tại nhà ông T, thỉnh thoảng có nộp cho bà H vì bà H thường xuyên vắng nhà. Hiện nay vợ chồng ông T, bà H vẫn còn nợ tiền hui của bà.

Người làm chứng bà Lê Thị A trình bày: Bà là hàng xóm của vợ chồng ông T, bà H, không có mối quan hệ thân thích với nguyên đơn hay bị đơn vụ án. Bà có tham gia chơi hui do bà H và ông T làm đầu thảo từ năm 2012. Bà được biết ông T, bà H làm đầu thảo hui từ rất lâu ở địa phương. Bà làm chứng cho bà Phạm Thị I là vợ chồng ông T, bà H cùng làm đầu thảo hui chứ không phải riêng bà H. Bà xác định thường xuyên đóng tiền hui cho ông T tại nhà ông T, vì bà H thường xuyên vắng nhà. Hiện nay vợ chồng ông T, bà H vẫn còn nợ tiền hui của bà.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ư trình bày: Bà là hàng xóm và không có mối quan hệ thân thích với nguyên đơn hay bị đơn vụ án. Bà có tham gia chơi hui do bà H và ông T làm đầu thảo từ đầu năm 2015. Bà được biết ông T, bà H làm đầu thảo hui từ rất lâu ở địa phương. Bà làm chứng cho bà Phạm Thị I là vợ chồng ông T, bà H cùng làm đầu thảo hui chứ không phải riêng bà H. Bà xác định luôn khui hui tại nhà ông T và đóng tiền hui cho ông T, bà H tại nhà ông T. Hiện nay vợ chồng ông T, bà H vẫn còn nợ tiền hui của bà.

Tại bản án sơ thẩm số 273/2017/DS-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 17.120.000đ (mười bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị I về việc yêu cầu bà Trần Thị Minh H, ông Huỳnh Văn T phải trả cho bà số nợ tổng cộng 135.265.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị Minh H liên đới cùng ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị I số tiền nợ 135.265.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà H, ông T có trách nhiệm trả lãi cho bà Phạm Thị I do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày Bà H có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 6.763.250đ (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) buộc bà Trần Thị Minh H và ông Huỳnh Văn T phải nộp.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị I số tiền tạm ứng án phí 3.809.525đ (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005597 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Z.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngày 26/6/2017, bị đơn bà Trần Thị Minh H có đơn kháng cáo.

Ngày 29/6/2017, bị đơn ông Huỳnh Văn T có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Phạm Thị I yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Minh H kháng cáo yêu cầu không chấp nhận việc Bà H đòi ông Huỳnh Văn T cùng bà trả cho Bà H số tiền nợ hui, nợ vay 135.265.000 đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T do ông Đinh Ngọc Ân đại diện kháng cáo là do cá nhân bà H nợ của Bà I nên ông không chấp nhận liên đới cùng bà H có nghĩa vụ trả cho Bà I số tiền 135.265.000 đồng vì không tham gia chơi hui, không vay tiền của bà I. Bà I cho rằng bà H dùng tiền này để xây nhà, mua xe là không có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Minh H và ông Huỳnh Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 273/2017/DS-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z - Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn bà Phạm Thị I khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Minh H cùng chồng ông Huỳnh Văn T phải trả cho bà số tiền nợ hui 105.265.000 đồng và nợ vay là 30.000.000 đồng, tổng cộng 135.265.000 đồng.

Phía bị đơn bà Trần Thị Minh H và ông Huỳnh Văn T thừa nhận có nợ của bà Phạm Thị I số nợ hui là 105.265.000 đồng và nợ vay 30.000.000 đồng tổng cộng 135.265.000 đồng. Tuy nhiên, bà H và ông T xác định số nợ trên là của cá nhân bà H, ông T không liên quan và không đồng ý cùng chịu trách nhiệm với bà H trả số nợ trên cho bà Phạm Thị I.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị Minh H, Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền nợ hui và nợ vay 135.265.000 đồng mà bị đơn bà Trần Thị Minh H thừa nhận có nợ của bà Phạm Thị I phát sinh trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Minh H và ông Huỳnh Văn T, vợ chồng sống chung một nhà, ăn ở sinh hoạt chung cho cả gia đình nên tất cả thu nhập nhằm phục vụ mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc ông T cho rằng ông hoàn toàn không biết bà H làm đầu thảo hui và vay mượn nợ của Bà H và số tiền nợ này bà H sử dụng để phục vụ nhu cầu cá nhân nhưng ông không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Do vậy, Tòa sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình xử buộc ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị Minh H trả cho bà Phạm Thị I số tiền 135.265.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, nên giữ nguyên án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh H và ông Huỳnh Văn T.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự phúc thẩm bà H và ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/7/2009.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh H và ông Huỳnh Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 17.120.000đ (mười bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị I về việc yêu cầu bà Trần Thị Minh H, ông Huỳnh Văn T phải trả cho bà số nợ tổng cộng 135.265.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị Minh H liên đới cùng ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị I số tiền nợ 135.265.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà H, ông T có trách nhiệm trả lãi cho bà Phạm Thị I do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày Bà H có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 6.763.250đ (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) buộc bà Trần Thị Minh H và ông Huỳnh Văn T phải nộp.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị I số tiền tạm ứng án phí 3.809.525đ (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005597 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Z.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Minh H phải nộp nhưng được cản trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006922 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z - Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Văn T phải nộp nhưng được cản trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006890 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ấn phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Z;
- Chi cục THADS H.Z;
- Các đương sự;
- L[□]u.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tuyết Mai